

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST

Ngày : 14 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Ái và bà Vũ Thị Nữ;

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 17/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 17/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/HSST-QĐ ngày 07/4/2023 đối với bị cáo:

KIỀU VĂN T1 (Tên gọi khác: Bé D), sinh năm: 1992 tại Lâm Đồng;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Kiều Văn T, sinh năm: 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965;

Gia đình có 05 anh, chị, em; bị cáo là con thứ ba;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 10/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo Bản án số: 97/2020/HS-ST. Đã chấp hành hình phạt tù ngày 19/6/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 05/12/2013, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số: 387/2013/HS-ST. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/8/2014 và đóng án phí vào ngày 02/10/2014, đã xóa án tích.

- Ngày 07/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số: 36/2015/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/6/2016, bồi thường dân sự và đóng án phí vào tháng 4/2016, đã xóa án tích.

- Ngày 22/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 21/02/2019, đã hết thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bị cáo Kiều Văn T1 bị bắt, tạm giữ ngày 23/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1/ Ông Phạm Xuân V, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

2/ Ông Phạm Văn H1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

3/ Ông Nguyễn Quý N, sinh năm: 1975, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

4/ Ông Phạm Văn H2, sinh năm: 1980; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm: 1955; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1981; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/11/2022 đến ngày 22/11/2022, Kiều Văn T1, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 03/11/2022, Kiều Văn T1 một mình đi bộ vào khu rẫy cao su, thuộc Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận thì phát hiện xe mô tô biển số 79V1-204.41 của Phạm Xuân V, sinh năm: 1983 (trú tại: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) đang dựng xe ở đây và còn chìa khóa trên xe, lợi dụng việc xe vẫn còn chìa khóa và xung quanh không có ai, T1 đã lấy trộm xe mô tô biển số 79V1-204.41 để làm phương tiện đi lại.

Vụ thứ hai: Ngày 19/11/2022, Kiều Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số 79V1-204.41 tìm gặp một người có tên thường gọi là Tí H3, là bạn bè ngoài xã hội của T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực thị xã L thì Tí H3 rủ T1 đi cắt

trộm dây điện tại các rẫy thanh long khu vực thị trấn T, huyện H để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng và T1 đồng ý. Sau đó, T1 cùng Tí H3 điều khiển xe mô tô biển số 79V1-204.41 vào chợ L mua một cây kéo sắt, đến khoảng 11 giờ cùng ngày T1 điều khiển xe mô tô biển số 79V1-204.41 chở Tí H3 vào R thuộc Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận của Phạm Văn H1, sinh năm: 1987, trú tại Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận cắt trộm 900m dây điện rồi mang đến cơ sở thu mua phế liệu của ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm: 1955 (trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận và nói số dây điện này là của mình không sử dụng nữa muốn bán nên được ông T2 mua lại với số tiền 1.620.000 đồng.

Vụ thứ ba và vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 21/11/2022, T1 điều khiển xe mô tô biển số 79V1-204.41 chở Tí H3 tiếp tục vào rẫy của ông Phạm Văn H1 cắt trộm 900m dây điện và đem đến cơ sở thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1981 (trú tại: Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) tại Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, T1 nói số dây điện này của mình không sử dụng nữa muốn bán nên được bà T3 mua với số tiền 720.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T1 cùng Tí H3 vào rẫy thanh long thuộc Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận của Nguyễn Quý N, sinh năm: 1975 (trú tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) cắt trộm 1.500m dây điện rồi tiếp tục đem đến cơ sở thu mua phế liệu của ông Nguyễn Xuân T2 tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận và nói số dây điện này T1 không sử dụng nữa nên được ông T2 mua lại với số tiền 1.040.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 08 giờ ngày 22/11/2022, T1 điều khiển xe mô tô biển số 79V1-204.41 chở Tí H3 vào R thuộc Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận của Phạm Văn H2, sinh năm: 1980 (trú tại: Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) cắt trộm 200m dây điện. Cùng ngày, T1 và Tí H3 đem số dây điện vừa cắt được chia làm hai bao rồi mang đến cơ sở thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị T3 tại Khu phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận bán hai lần, lúc bán T1 nói số dây điện này của mình không sử dụng nữa nên được bà T3 mua lần 01 với số tiền là 270.000 đồng và lần 02 với số tiền 280.000 đồng.

Tổng số tiền thu được từ việc bán số dây điện trộm cắp là 3.930.000 đồng, T1 và Tí Hon chia nhau mỗi người một nửa. Bản thân T1 đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 xe máy hiệu Sirius FI biển kiểm soát 79V1-204.41 của Phạm Xuân V thời điểm ngày 03/11/2022 có giá trị 7.000.000 đồng;

- 900m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² của ông Phạm Văn H1 tại thời điểm ngày 19/11/2022 có giá trị 3.712.500 đồng;

- 2.400m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² tại thời điểm ngày 21/11/2022 có giá trị 10.462.500 đồng; trong đó: 900m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² của ông Phạm Văn H1 có giá trị: 3.712.500 đồng, 1.500m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² của ông Nguyễn Quý N có giá trị 6.750.000 đồng;

- 200m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² của ông Phạm Văn H2 tại thời điểm ngày 22/11/2022 là 900.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 22.075.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe mô tô biển số 79V1-204.41, nhãn hiệu YAMAHA, hiệu Sirius FI đã qua sử dụng, đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra trả lại cho chủ sở hữu là ông Phạm Xuân V, theo Quyết định xử lý vật chứng số: 07/QĐ-ĐTTH ngày 29/12/2022;

- 200m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² được trả lại cho ông Phạm Văn H2; 1.800 dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² được trả lại cho ông Phạm Văn H1; 1.500m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² được trả lại cho ông Nguyễn Quý N, theo Quyết định xử lý vật chứng số: 10/QĐ-ĐTTH ngày 13/01/2023;

- 01 cây kéo bằng sắt đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân quản lý chờ xử lý.

Về phần dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu hồi toàn bộ tài sản trả lại cho ông Phạm Xuân V 01 xe mô tô biển số 79V1-204.41; trả lại cho ông Phạm Văn H2 200m dây điện; trả lại cho ông Phạm Văn H1 1.800m dây điện; trả lại cho ông Nguyễn Quý N 1.500m dây điện. Tất cả bị hại nêu trên đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Xuân T2 yêu cầu Kiều Văn T1 trả lại số tiền 2.660.000 đồng; bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu Kiều Văn T1 trả lại số tiền 1.270.000 đồng. Hiện T1 chưa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền cho ông T2 và bà T3.

Đối với đối tượng tên Tí Hon theo lời khai của Kiều Văn T1, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành xác minh tại khu vực xóm S thuộc thị xã L, tỉnh Bình Thuận nhưng không có đối tượng nào tên Tí H3. Do không đủ thông tin để làm rõ nhân thân của đối tượng nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 không biết số dây điện mà Kiều Văn T1 và Tí H3 đem đến bán là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của ông T2, bà T3 không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H không xem xét xử lý là đúng quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 16/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Kiều Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung của Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Quá trình luận tội, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Kiều Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung Cáo trạng, đồng thời xem xét các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kiều Văn T1 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù; đồng thời giải quyết vấn đề dân sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân; thống nhất với nội dung và tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân đã truy tố, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến bị hại Phạm Văn H1: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật;

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân T2 yêu cầu bị cáo trả 2.660.000 đồng, bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu bị cáo trả 1.270.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng: các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại ông Phạm Xuân V, ông Nguyễn Quý N, ông Phạm Văn H2 vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra, các bị hại này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Bị cáo 8532.

Kiều Văn T1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù có khả năng lao động nhưng vì lòng tham nên từ ngày 03/11/2022 đến ngày 22/11/2022, Kiều Văn T1 và một đối tượng tên Tí H3 đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản trên

địa bàn xã T và thị trấn T, huyện H với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 22.075.000 đồng, cụ thể:

Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 03/11/2022, tại khu rẫy cao su, thuộc Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, Kiều Văn T1 lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 79V1-204.41 của ông Phạm Xuân V trị giá 7.000.000 đồng;

Vào khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 19/11/2022, tại R thuộc Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, Kiều Văn T1 và đối tượng tên Tí H3 dùng kéo cắt trộm 900m dây điện của ông Phạm Văn H1 trị giá 3.712.500 đồng;

Vào khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 21/11/2022, tại R thuộc Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, Kiều Văn T1 và đối tượng tên Tí H3 tiếp tục dùng kéo cắt trộm 900m dây điện của ông Phạm Văn H1 trị giá 3.712.500 đồng. Đến 13 giờ cùng ngày, tại R thuộc khu vực Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, Kiều Văn T1 và đối tượng tên Tí H3 dùng kéo cắt trộm 1.500m dây điện của ông Phạm Quý N1 trị giá 6.750.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 10.462.500 đồng;

Vào khoảng 08 giờ ngày 22/11/2022, tại rẫy thanh long thuộc Khu phố D thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, Kiều Văn T1 và đối tượng tên Tí H3 dùng kéo cắt trộm 200m dây điện của Phạm Văn H2 trị giá 900.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được Luật hình sự bảo vệ. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian ngắn, bị cáo thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp pháp luật; bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật, trong đó có 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản mặc dù đã được xóa án tích. Trong vụ án này, bị cáo nhiều lần trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”; trước các lần phạm tội này, bị cáo đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số: 97/2020/HS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận nhưng chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “Tái phạm”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho người dân. Bị cáo nhiều lần bị phạt tù về tội trộm cắp tài sản nhưng sau khi chấp hành án xong bị cáo vẫn không phục thiện, không lo làm ăn chân chính mà vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản, cho thấy thái độ của bị cáo là bất chấp pháp luật, khó cải tạo. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm

khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian mới đủ rắn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô biển số 79V1-204.41, nhãn hiệu YAMAHA, hiệu Sirius FI đã qua sử dụng; 200m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm²; 1.800 dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm²; 1.500m dây điện Thipha cable loại 2 x 15mm² Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 cây kéo bằng sắt đã qua sử dụng, đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Đối với ông Nguyễn Xuân T2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.660.000 đồng; bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.270.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên cho ông T2, bà T3, xét sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[8] Về đối tượng tên Tí Hon theo lời khai của Kiều Văn T1, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành xác minh tại khu vực xóm S thuộc thị xã L, tỉnh Bình Thuận nhưng không có đối tượng nào tên Tí H3. Do không đủ thông tin để làm rõ nhân thân của đối tượng nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Đối với ông Nguyễn Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 không biết số dây điện mà Kiều Văn T1 và Tí H3 đem đến bán là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của ông T2, bà T3 không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H không xem xét xử lý là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và đương sự khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Kiều Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiều Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/11/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng sắt đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân quản lý, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/02/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 166, Điều 167 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Xuân T2 và bị cáo Kiều Văn T1: Bị cáo T1 phải trả lại cho ông T2 số tiền 2.660.000 đồng;

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T3 và bị cáo Kiều Văn T1: Bị cáo T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền 1.270.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Kiều Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/4/2023); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân
- Công an huyện Hàm Tân;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Trọng